

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VINH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS- ST
Ngày 17 tháng 6 năm 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VINH PHÚC
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Sinh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành và bà Trần Thị Kim Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Diệp Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2024/TLST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2024 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

1, Nguyên đơn: Ngân hàng N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng Giám đốc.

Địa chỉ: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Trần Đăng K - Giám đốc Ngân hàng N Chi nhánh huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Người đại diện theo uỷ quyền lại của ông K là ông Đỗ Hùng Q - Giám đốc A Chi nhánh huyện L - Phòng G (Văn bản uỷ quyền số 03/NHN⁰. LTVP.QĐ-UQ ngày 23/10/2024).

Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trọng Đ, sinh năm 1982 và bà Trần Thị X, sinh năm 1982. Cùng địa chỉ: Thôn Y, xã T (nay là xã T), huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc.

Phiên tòa có mặt ông Q, vắng mặt bà X. Ông Đ hiện nay đang chấp hành bản án tại trại giam S1 (ông Đ có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 10 năm 2024, các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Hùng Q trình bày:

Ngày 19/3/2024, Ngân hàng N1- Chi nhánh huyện L - Phòng G (gọi tắt là Ngân hàng) đã cho vợ chồng ông Nguyễn Trọng Đ và bà Trần Thị X vốn theo hợp đồng tín dụng số: 2808LAV2024500853. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho vợ chồng ông Đ, bà X vay vốn hạn mức tối đa là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), Thời hạn duy trì hạn mức là 36 tháng, thời hạn cho vay tối đa từng lần không vượt quá 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là: Chăn nuôi lợn, bò, lãi suất cho vay khi nhận nợ là 10%/năm, thể hiện trên từng khế ước nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hạn trả gốc ngày 19/3/2025. Trả lãi vào ngày 12 hàng tháng.

Để đảm bảo khoản vay trên ông Đ, bà X đã thế chấp tài sản tại hợp đồng thế chấp số 463799369/HĐTC/2024 ngày 15/3/2024. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 467.2, tờ bản đồ số 16, diện tích 217,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 804675, nơi cấp: UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 12/9/2006 mang tên ông Nguyễn Trọng Đ. Địa chỉ thửa đất: Thôn Y, xã T (nay là xã T), huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây một tầng diện tích khoảng 75m² và toàn bộ tài sản trên đất. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/3/2024 tại Văn phòng Đ1 chi nhánh L.

Thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông Đ, bà X vay tiền thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 19/3/2024 ông Đ, bà X đã nhận đủ số tiền được vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Đ, bà X mới trả cho ngân hàng tiền lãi là 9.698.631 đồng, tiền gốc chưa trả. Ông Đ, bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng kể ngày 12/9/2024, toàn bộ khoản vay đã phải chuyển quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Đến nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Đ, bà X phải trả toàn bộ số nợ cho Ngân hàng tính đến hết ngày 17/6/2025 là: 217.698.629 đồng (trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 17.698.629 đồng) và tiền lãi phát sinh trên số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng kể từ ngày 17/6/2025 cho đến khi trả hết nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng (lãi suất hiện nay là 15%/năm) và đề nghị xử lý tài sản thế chấp của ông Đ, bà X trong trường hợp ông Đ, bà X không trả được nợ cho Ngân hàng. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm sẽ được thanh toán cho Ngân hàng. Trường hợp tài sản thế

chấp không đủ để trả nợ thì ông Đ, bà X vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thi hành xong các khoản nợ gốc, nợ lãi của hợp đồng tín dụng.

Bị đơn ông Nguyễn Trọng Đ hiện nay đang phải chấp hành bản án tại trại Giam S1 nên không thể đến phiên tòa được, tại biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2025 ông Đ trình bày: Ngày 19/3/2024, ông ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N - chi nhánh V1 - Phòng G1 Hợp đồng tín dụng số: 2808LAV2024500853. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho vợ chồng ông vay vốn hạn mức tối đa là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), mục đích sử dụng tiền vay là: Chăn nuôi lợn, bò, lãi suất cho vay khi nhận nợ là 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hạn trả gốc ngày 19/3/2025.

Để đảm bảo khoản vay trên vợ chồng ông đã thế chấp tài sản tại hợp đồng thế chấp tài sản số 463799369/HĐTC/2024 ngày 15/3/2024. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 467.2, tờ bản đồ số 16, diện tích 217,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 804675, nơi cấp: UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 12/9/2006 mang tên ông Nguyễn Trọng Đ. Địa chỉ thửa đất: Thôn Y, xã T (nay là xã T), huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây một tầng diện tích khoảng 70m² và toàn bộ tài sản trên đất. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/3/2024 tại Văn phòng Đ1 chi nhánh L.

Thực hiện hợp đồng tín dụng Ngân hàng đã giải ngân cho vợ chồng ông vay tiền thể hiện tại giấy nhận nợ ngày 19/3/2024 vợ chồng ông đã nhận đủ số tiền được vay là 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Ngày 08/6/2024 ông bị bắt và bị Tòa án nhân dân huyện Tam Dương xử phạt 15 tháng tù giam về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Ông đồng ý trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng nhưng đề nghị trả nợ dần, trường hợp không trả được nợ ông nhất trí để ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, do đang phải chấp hành án nên ông đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Bị đơn bà Trần Thị X, Tòa án báo gọi nhiều lần nhưng bà X không đến Tòa án làm việc nên không tiến hành hòa giải được, tại biên bản lấy lời khai ngày 25/12/2024 bà X trình bày: Ngày 19/3/2024, chồng bà là Nguyễn Trọng Đ ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N chi nhánh L - Phòng G, số tiền được vay là 200.000.000 đồng. Để đảm bảo khoản vay trên vợ chồng bà đã thế chấp tài sản tại hợp đồng thế chấp tài sản số 463799369/HĐTC/2024 ngày 15/3/2024. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 467.2, tờ bản đồ số 16, diện tích 217,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 804675, nơi cấp: UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 12/9/2006 mang tên ông Nguyễn Trọng Đ. Địa chỉ thửa đất: Thôn Y, xã T (nay là xã T), huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây

một tầng diện tích khoảng 70m² và toàn bộ tài sản trên đất. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/3/2024 tại Văn phòng Đ1 chi nhánh L. Ngày 08/6/2024 chồng bà bị bắt và đang phải chấp hành án bà đề nghị Ngân hàng cho trả nợ dần.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm về tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đúng về quyền và nghĩa vụ, bị đơn chấp hành không đầy đủ về quyền và nghĩa vụ. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Về án phí bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ngân hàng N khởi kiện ông Nguyễn Trọng Đ và bà Trần Thị X, bị đơn có địa chỉ tại xã T, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc trả nợ số tiền vay còn nợ của hợp đồng tín dụng cho Ngân hàng. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngày 19/3/2024 ông Đ ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Đ, bà X không trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Do ông Đ, bà X vi phạm nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà X trả nợ tiền gốc, tiền lãi của hợp đồng tín dụng, nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án là tranh chấp hợp đồng tín dụng.

[2] Về tố tụng: Bị đơn ông Đ không thể đến tham gia phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà X vắng mặt lần thứ hai không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, theo quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về áp dụng pháp luật giải quyết trong vụ án: Quan hệ vay tài sản giữa nguyên đơn Ngân hàng N với bị đơn ông Nguyễn Trọng Đ và bà Trần Thị X phát sinh trong lĩnh vực hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Do bị đơn vi phạm thỏa

thuận nghĩa vụ trả nợ với Ngân hàng nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà X trả nợ số tiền gốc, tiền lãi của Hợp đồng tín dụng. Vì vậy, pháp luật được áp dụng để giải quyết trong vụ án là Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về nội dung vụ án: Ngày 19/3/2024, ông Nguyễn Trọng Đ và bà Trần Thị X ký hợp đồng tín dụng số 2808LAV2024500853 với Ngân hàng. Theo hợp đồng tín dụng này thì Ngân hàng cho ông Đ, bà X vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời hạn cho vay là 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay là: Chăn nuôi lợn bò, lãi suất cho vay khi nhận nợ là 10%/năm, thể hiện trên giấy nhận nợ; lãi suất quá hạn bằng 150%/lãi suất trong hạn. Hạn trả gốc ngày 19/3/2025. Trả lãi vào ngày 12 hàng tháng. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 467.2, tờ bản đồ số 16, diện tích 217,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 804675, nơi cấp: UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 12/9/2006 mang tên ông Nguyễn Trọng Đ. Địa chỉ thửa đất: Thôn Y, xã T (nay là xã T), huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây một tầng diện tích khoảng 70m² và toàn bộ tài sản trên đất. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/3/2024 tại Văn phòng Đ1 chi nhánh L. Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông Đ, bà X mới trả được cho ngân hàng 9.698.631 đồng tiền lãi, tiền gốc chưa trả. Kể từ ngày 12/9/2024 ông Đ, bà X không trả được tiền gốc và tiền lãi cho ngân hàng theo thỏa thuận của hợp đồng, toàn bộ khoản vay đã phải chuyển quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng. Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng ông Đ, bà X vẫn không trả được tiền gốc theo thỏa thuận của hợp đồng tín dụng. Ông Đ, bà X đã vi phạm hợp đồng tín dụng. Tính đến hết ngày 17/6/2025 ông Đ, bà X còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 217.698.629 đồng (trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 17.698.629 đồng). Do ông Đ, bà X đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ, bà X phải trả tiền gốc và tiền lãi của hợp đồng tín dụng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 91 và Điều 95, Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017 cần buộc ông Đ, bà X phải trả nợ cho Ngân hàng. Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng trình bày lãi suất quá hạn của hợp đồng tín dụng đang áp dụng là 15%/năm trên số dư nợ gốc nên kể từ ngày tiếp theo ngày Tòa án xét xử ông Đ, bà X phải chịu lãi suất trên dư nợ của số tiền gốc 200.000.000 đồng với mức lãi suất là 15 %/năm cho đến khi thanh toán xong. Bà X đề nghị trả nợ dần nhưng đại diện ngân hàng không đồng ý nên không được chấp nhận.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất số 463799369/HĐTC/2024 ngày 15/3/2024. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 467.2, tờ bản đồ số 16, diện tích 217,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 804675, nơi cấp: UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 12/9/2006 mang tên ông Nguyễn Trọng Đ. Địa chỉ thửa đất: Thôn Y, xã T (nay là xã T), huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây một tầng diện tích khoảng 75m² và toàn bộ tài sản trên đất. Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/3/2024 tại Văn phòng Đ1 chi nhánh L. Khi thế chấp ông Đ, bà X tự nguyện dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của vợ chồng tại Ngân hàng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hợp đồng thế chấp được ký theo đúng quy định và được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 18/3/2024 tại Văn phòng Đ1 chi nhánh Lập Thạch có hiệu lực thi hành theo quy định. Như vậy nếu ông Đ, bà X không trả được nợ cho Ngân hàng thì tài sản đã thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 467.2, tờ bản đồ số 16, diện tích 217,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 804675, nơi cấp: UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 12/9/2006 mang tên ông Nguyễn Trọng Đ. Địa chỉ thửa đất: Thôn Y, xã T (nay là xã T), huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây một tầng diện tích khoảng 75m² và toàn bộ tài sản trên đất sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng. Trường hợp tài sản thế chấp không đủ để trả nợ thì ông Đ, bà X vẫn phải tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng cho đến khi thi hành xong các khoản nợ gốc, nợ lãi của Hợp đồng tín dụng.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, được xem xét khi quyết định.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật là $217.698.629 \times 5\% = 10.885.000$ đồng (làm tròn), hoàn trả cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về chi phí tố tụng đại diện ngân hàng tự nguyện chịu toàn bộ không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 90, 91, 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 sửa đổi bổ sung năm 2017; Các Điều 280, 292, 298, 299, 317, 318, 319, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N (A) đối với ông Nguyễn Trọng Đ và bà Trần Thị X.

Buộc ông Nguyễn Trọng Đ và bà Trần Thị X phải trả cho Ngân hàng N (A) tính đến hết ngày 17/6/2025 theo hợp đồng tín dụng số 2808LAV2024500853 ngày 19/3/2024 số tiền là 217.698.629 đồng (trong đó nợ gốc là 200.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn và lãi quá hạn là 17.698.629 đồng). Kể từ ngày 18/6/2025 cho đến khi thi hành xong ông Nguyễn Trọng Đ và bà Trần Thị X còn phải chịu khoản lãi của số tiền gốc của Hợp đồng tín dụng theo mức lãi suất 15 %/năm cho đến khi trả hết nợ gốc cho ngân hàng.

Trường hợp ông Đ, bà X không thanh toán trả tiền cho Ngân hàng N (A) thì Ngân hàng N (A) có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp tài sản số 463799369/HĐTC/2024 ngày 15/3/2024. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất thửa số 467.2, tờ bản đồ số 16, diện tích 217,5m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 804675, nơi cấp: UBND huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc, cấp ngày 12/9/2006 mang tên ông Nguyễn Trọng Đ. Địa chỉ thửa đất: Thôn Y, xã T (nay là xã T), huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Tài sản trên đất: 01 nhà xây một tầng diện tích khoảng 75m² và toàn bộ tài sản trên đất sẽ được xử lý để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán khoản nợ thì ông Đ, bà X vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng N (A) cho đến khi thanh toán hết nợ của hợp đồng tín dụng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Trọng Đ và bà Trần Thị X phải chịu 10.885.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng N (A) không phải chịu án phí. Hoàn trả Ngân hàng N (A) 5.115.000 đồng (Năm triệu một trăm mười lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0000653 ngày 06 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA dân sự huyện Lập Thạch;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh